

Bản án số: **60/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 19 - 7 - 2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Trường G, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 19, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Chị Ông Cẩm T, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thanh T1, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bà Tuyên có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Trường G trình bày: Được sự đồng ý của gia đình hai bên làm đám cưới nên anh và chị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 con chung nhưng thời gian gần đây vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong quá trình chi tiêu hàng ngày, vợ không thật thà, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng dẫn tới thường xuyên cự cãi giận dữ nhau. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài và càng gay gắt không thể hòa giải được anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với chị Ông Cẩm T.

Về con chung: Có 2 con chung tên Lê Kim Y, sinh năm: 2005 và Lê Gia P, sinh ngày 23/10/2015 hiện chung sống với vợ từ ngày anh khởi kiện. Đối với con chung anh yêu cầu được nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nợ tiền hụi nhưng do hụi đóng hàng tháng nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn anh G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, đối với con chung tên Lê Kim Y có nguyện vọng sống với chị T thì anh đồng ý, anh yêu cầu được nuôi Lê Gia P do chị T không có điều kiện nuôi cả hai con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu.

- Tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2019, bị đơn chị Ông Cẩm T trình bày: Về quan hệ hôn nhân đúng như lời trình bày của anh G. Anh G yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung, chị yêu cầu được nuôi con nhỏ Lê Gia P và đồng ý nuôi Lê Kim Y do Kim Y có nguyện vọng sống với chị. Chị yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách số tiền 12.000.000 đồng, anh G không thừa nhận nên chị không yêu cầu chia phần nợ này. Tiền hụi chết và tiền hụi sống đóng hàng tháng. Yêu cầu chia nợ hụi.

- Tại phiên tòa, chị T trình bày: Quá trình chung sống anh G nhiều lần có hành vi hăm dọa, đuổi chị ra khỏi nhà, nay anh G yêu cầu ly hôn chị đồng ý ly hôn, về con chung chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung tên Lê Kim Y và Lê Gia P do Lê Kim Y có nguyện vọng sống với chị khi cha mẹ ly hôn, Lê Gia P còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, tuy nhiên khi nuôi hai con chung thì điều kiện kinh tế chị gặp khó khăn do chị hiện đang làm công nhân tại Đồng Nai, do đó, chị yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định. Nợ chung đã thỏa thuận với chủ hụi không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 30 tháng 5 năm 2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T1 trình bày: Anh G và chị T có tham gia hụi do bà làm chủ, đây hụi mở ngày 20/10/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, khui hàng tháng. Anh G và chị T đã hốt hụi xong còn 8 lần nữa thì mãn hụi. Việc tham gia hụi là cả hai vợ chồng tham gia, khi đóng tiền hụi lúc thì chị T đóng, lúc thì anh G đóng. Nay chị T và anh G ly hôn, bà không yêu cầu giải quyết những vấn đề liên quan đến tiền hụi, sau này nếu cần thiết thì bà yêu cầu

thành vụ kiện khác. Trường hợp Tòa án có đưa bà tham gia tố tụng bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

- Tại biên bản xác minh ngày 04/6/2019 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh G là do anh G đi nhậu về và đánh vợ, địa phương có đến nhà vận động nhiều lần nhưng anh G không sửa chữa, ngoài ra chưa nhận được yêu cầu giải quyết nợ giữa vợ chồng với người khác.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Giai đoạn chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình, về hôn nhân chấp nhận yêu cầu của anh G về việc ly hôn. Về con chung: Giao con chung tên Lê Gia P cho anh G nuôi dưỡng, giao Lê Kim Y cho chị T nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không yêu cầu không xem xét. Về nợ chung: Bà Tuyên không yêu cầu nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của anh Lê Trường G được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Lê Trường G và chị Ông Cẩm T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của anh Lê Trường G và chị Ông Cẩm T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh Lê Trường G và chị Ông Cẩm T xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được. Tại phiên tòa, anh Lê Trường G vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị Ông Cẩm T, chị T đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Trường G về việc ly hôn với chị Ông Cẩm T.

Về con chung: Có 2 con chung tên Lê Kim Y, sinh năm: 2005 và Lê Gia P, sinh ngày 23/10/2015 hiện đang chung sống với chị T.

Chị T và anh G đều có nguyện vọng hai nuôi con, cháu Lê Kim Y có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Tuy nhiên, xét điều kiện nuôi con của cả hai là như nhau, chị T hiện nuôi hai con chung nhưng điều kiện kinh tế không thể đảm bảo cho cả hai con chung nên giao mỗi người nuôi một con chung là phù hợp, tuy nhiên, do cháu Lê Gia P còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ do đó, giao con chung tên Lê Gia P, sinh năm 2015 cho chị T nuôi dưỡng, giao

Lê Kim Y, sinh năm: 2005 cho anh Lê Trường G nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng do các bên có điều kiện nuôi con như nhau.

Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng chị T và anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung chị T và anh G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Nợ chung: Chị T xác định nợ hụi bà Trương Thanh T1 nhưng bà không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án, nếu có tranh chấp thì khởi kiện sau nên không đặt ra xem xét. Các khoản nợ khác không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Trường G phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; **khoản 1** Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trường G được ly hôn với chị Ông Cẩm T.

- Con chung: Giao con chung tên Lê Kim Y, sinh năm: 2005 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng và giao Lê Gia P, sinh ngày 23/10/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng chị T và anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Trường G phải nộp 300.000 đồng, anh Lê Trường G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004202 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, anh Lê Trường G đã nộp xong.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng